

BÀI THI NGHE

Thời gian: 60 phút

Số câu hỏi: 55

Hướng dẫn: Trong phần kiểm tra đánh giá năng lực Nghe, bạn sẽ thể hiện khả năng nghe và hiểu về nội dung của những phát ngôn, cuộc thoại, những cuộc trao đổi/tranh luận, những bài, đoạn bài phát biểu/bài giảng có nội dung thuộc một số lĩnh vực chuyên môn.

Bài kiểm tra đánh giá năng lực Nghe gồm bốn phần: Phần 1, gồm 15 câu hỏi, phần 2 gồm 14 câu hỏi, phần 3 gồm 14 câu hỏi và phần 4 gồm 12 câu hỏi. Tùy theo năng lực, bạn hãy trả lời tất cả các câu hỏi. Toàn bộ nội dung nghe chỉ được đọc một lần.

Thời gian: 60 phút, gồm thời gian chuẩn bị và đánh dấu vào phiếu trả lời

PHẦN 1: Các câu hỏi 1- 15

Hướng dẫn: Trong phần 1 các bạn sẽ được nghe lần lượt 10 câu hỏi và 5 phát ngôn theo thứ tự từ 1 đến 15 cùng với 3 phương án (A, B, C). Các bạn chú ý nghe rồi chọn 1 phương án đúng. Bây giờ chúng ta sẽ bắt đầu nghe câu hỏi 1.

Câu 1: Anh ấy tên là gì?

- A. Tôi tên là Nam.
- B. Chị ấy tên là Lam.
- C. Anh ấy tên là Năm.

Câu 2: Xin lỗi, anh sinh năm nào?

- A. Tôi sinh năm 1983.
- B. Tôi sinh 83.
- C. Tôi sinh ngày 15 tháng 4 năm 1983.

Câu 3: Bao giờ em sẽ sang Việt Nam thực tập tiếng Việt?

- A. Dạ, tuần trước ạ!
- B. Dạ, tuần sau ạ!
- C. Dạ, cách đây 1 tuần ạ!

Câu 4: Xin lỗi, chị từ đâu đến đây ạ?

- A. Tôi từ Đà Lạt đến đây.

B. Tôi đến đây từ Đà Lạt.

C. Từ Đà Lạt tôi đến đây.

Câu 5: Em đang là sinh viên năm thứ mấy?

A. Em là sinh viên năm thứ bốn ạ!

B. Em là sinh viên năm thứ tư ạ!

C. Em sinh viên năm tư.

Câu 6: Xin lỗi, anh là người nước nào?

A. Tôi là người Việt Nam.

B. Tôi đến từ Việt Nam.

C. Tôi là người đến từ Việt Nam.

Câu 7: Người sống bên cạnh nhà của bạn gọi là gì?

A. Gọi là bạn học.

B. Gọi là họ hàng.

C. Gọi là hàng xóm.

Câu 8: Người bạn cùng sống chung với bạn trong một phòng gọi là gì?

A. Gọi là bạn chung phòng.

B. Gọi là bạn cùng phòng.

C. Gọi là bạn phòng.

Câu 9: “Anh đang đi đâu đấy?” Hãy cho biết, phát ngôn trên có mấy thanh điệu?

A. Một thanh điệu.

B. Hai thanh điệu.

C. Ba thanh điệu.

Câu 10: “Bà Hồng làm nghề gì?” Hãy cho biết, phát ngôn trên có mấy thanh điệu?

A. Một thanh điệu.

B. Hai thanh điệu.

C. Ba thanh điệu.

Câu 11: “Anh cứ đi trước đi, lát nữa tôi đi xe ôm cũng được”.

A. Anh cứ đi trước đi, lát nữa tôi được đi xe ôm.

B. Anh cứ đi trước đi, lát nữa tôi cũng đi xe ôm.

C. Anh đi trước đi, lát nữa tôi sẽ đi xe ôm.

Câu 12: **“Tôi có biết anh Văn nào đâu”.**

A. Đi đâu tôi cũng đi với anh Văn.

B. Tôi chưa quen anh Văn.

C. Tôi không biết ai là Văn cả.

Câu 13: **“Hình như ông ấy đã li hôn rồi!”**

A. Người ta bảo tôi ông ấy li hôn rồi.

B. Tôi được biết là ông ấy li hôn rồi.

C. Ông ấy li hôn rồi thì phải.

Câu 14: **“Nhà bạn ấy nghèo thế, lấy đâu ra tiền học đại học”.**

A. Nhà bạn ấy nghèo thế, làm gì có tiền học đại học.

B. Nhà bạn ấy nghèo thế, lấy đủ tiền học đại học.

C. Nhà bạn ấy nghèo thế, vay đâu ra tiền học đại học.

Câu 15: **“Chắc chắn hôm qua mình nói với cậu rồi mà!”**

A. Mình nói với cậu hôm qua rồi nhỉ?

B. Mình chả nói với cậu hôm qua rồi là gì.

C. Mình nói với cậu hôm qua rồi à?

PHẦN 2. Các câu hỏi 16 -29

Hướng dẫn: Phần nghe 2 gồm 02 đoạn hội thoại ngắn (mỗi câu hỏi chọn 1 phương án đúng trong 3 Phương án: A, B, C), 04 tình huống giao tiếp và 04 đoạn đọc ngắn. (mỗi câu hỏi chọn 1 phương án đúng trong 4 phương án: A, B, C, D). Bây giờ các bạn sẽ bắt đầu nghe câu hỏi 16.

Hội thoại 1

Nữ: Chào anh, anh có khỏe không?

Nam: Cảm ơn chị. Tôi vẫn khỏe.

Còn chị, dạo này thế nào, công việc, gia đình,...

Nữ: Cảm ơn anh, mọi thứ vẫn bình thường, anh ạ.

Câu hỏi 16: **Người phụ nữ hỏi người đàn ông về điều gì?**

A. Hỏi về sức khỏe.

B. Họ chào nhau.

C. Hỏi về công việc của nhau.

Hội thoại 2

Nữ: Gần đây có bưu điện không anh?

Nam: Có. Gần siêu thị C' Mart có một bưu điện nhỏ.

Nữ: Siêu thị C' Mart ở đâu ạ?

Nam: Chị đi thẳng đường này. Đến ngã tư rẽ trái. Chị đi tiếp khoảng năm trăm mét. Siêu thị C' Mart ở bên phải. Bưu điện ở bên trái của siêu thị.

Nữ: À, tôi nhớ rồi. Có phải đi về phía ga phải không anh?

Nam: Vâng. Nhưng chị nhớ rẽ trái ở ngã tư trước mặt, trước khi đến ga nhé.

Nữ: Dạ vâng.

Câu 17: Người nữ muốn tìm đến địa chỉ nào?

- A. Muốn tìm đến siêu thị C' Mart.
- B. Muốn tìm đến một bưu điện.
- C. Muốn tìm đến một ngã tư.
- D. Muốn tìm đến nhà ga.

Câu 18 (Tình huống 1)

“Anh Hùng đến chơi nhà anh Nam. Anh Nam lấy nước mời anh Hùng uống. Khi nhận cốc nước từ tay anh Nam, anh Hùng sẽ nói gì?”

- A. Cảm ơn cậu.
- B. Không sao.
- C. Không có gì.
- D. Không có vấn đề gì cả.

Câu 19 (Tình huống 2)

“Anh Nam muốn vào lớp học. Nhưng trước cửa lớp lúc đó đang có một nhóm bạn đang đứng nói chuyện. Anh Nam sẽ nói gì để vào được lớp học?”

- A. Các bạn không được đứng ở đây.
- B. Các bạn hãy tránh ra.
- C. Xin lỗi.
- D. Nào tránh ra cho người ta đi nào.

Câu 20 (Tình huống 3)

“Chị Hiền về quê bằng tàu hỏa. Chỉ còn 30 phút nữa là tàu chạy. Chị Hiền đang rất lo vì sợ bị lỡ tàu. Bạn sẽ khuyên chị ấy thế nào?”

- A. Chị nên cẩn thận.
- B. Chị cứ bình tĩnh, đừng lo lắng quá.
- C. Làm gì mà chị cứ cuống lên thế.
- D. Thật là khó chịu.

Câu 21 (Tình huống 4)

“Anh Hùng và anh Sơn đi chơi. Họ đã gặp chị Tâm. Anh Hùng quen chị Tâm, còn anh Sơn thì không. Đây là lần đầu tiên anh Sơn gặp chị Tâm. Chị Tâm nói với anh Sơn: “Rất vui được gặp anh”. Anh Sơn sẽ đáp lại thế nào?

- A. Cám ơn chị. Tôi khỏe.
- B. Tôi cũng rất vui được gặp chị.
- C. Thế nào? Chị có khỏe không?.
- D. Tôi cũng thế.

Bài nghe cho câu hỏi 22-23

Trong tiếng Việt, từ “chào” thường đi đôi với từ “hỏi” và từ “mời”. Mỗi địa phương có cách chào hỏi, chào mời khác nhau phụ thuộc vào phong tục của địa phương và đối tượng được chào và được mời chào. Người Việt Nam không chỉ chào nhau bằng lời nói mà còn bằng ánh mắt, nụ cười. Đôi khi, mắt còn nói rõ hơn miệng.

Chào hỏi đi đôi với nhau, hỏi là để chào. Ví dụ: “Ông khỏe không?” hay:

- “Ông đi đâu đấy?”
- “Ông bà đang làm gì đấy?”,
- “Ông bà đã xoi cơm chưa?”
- “Bà đi chợ về đấy à? ...

Nhiều khi hỏi không có mục đích, hỏi không cần trả lời nhưng nếu không chào hỏi thì người ta sẽ cho là lạnh nhạt, khinh người.

Câu 22: Nội dung chính của bài nghe nói về:

- A. Chào hỏi và chào mời trong tiếng Việt.
- B. Chào hỏi trong tiếng Việt.
- C. Các kiểu chào và chào hỏi trong tiếng Việt.
- D. Chào mời trong tiếng Việt.

Câu 23: Ngoài chào hỏi bằng lời, người Việt còn chào hỏi nhau bằng:

- A. Động tác.
- B. Ánh mắt.
- C. Nụ cười.
- D. Ngôn ngữ cử chỉ.

Bài nghe cho câu hỏi 24 -25

Đây là cửa hàng rượu của gia đình tôi. Cửa hàng này ở góc một phố nhỏ. Đối diện với cửa hàng rượu là một siêu thị, một hiệu thuốc và một tiệm cắt tóc. Siêu thị nằm giữa hiệu thuốc và tiệm cắt tóc. Bên trái tiệm cắt tóc cũng có một ngã tư. Từ ngã tư này, nếu đi bộ đến ga chỉ mất năm phút. Trước mặt ga có một bến xe buýt và một bến xe tắc-xi. Đối diện với bến xe tắc - xi là một ngân hàng và một cửa hàng bán hoa. Hằng ngày, mẹ tôi thường mua hoa tươi ở cửa hàng này.

Câu 24: Trong đoạn các bạn vừa nghe, siêu thị nằm ở đâu?

- A. Nằm ở bên phải hiệu thuốc.
- B. Nằm ở bên trái tiệm cắt tóc.
- C. Nằm ở giữa cửa hàng rượu và tiệm cắt tóc.
- D. Nằm giữa hiệu thuốc và tiệm cắt tóc.

Câu 25: Ngã tư cách nhà ga bao xa?

- A. Khoảng 2 km.
- B. Khoảng 5 phút đi bộ.
- C. Khoảng 3 km.
- D. Khoảng 1 km.

Bài nghe cho câu hỏi 26-27

Sa Pa là một thị trấn vùng cao. Sa Pa có khí hậu mang sắc thái ôn đới và cận nhiệt đới, không khí mát mẻ quanh năm. Thời tiết ở thị trấn một ngày có đủ bốn mùa: buổi sáng là tiết trời mùa xuân, buổi trưa tiết trời như vào hạ, thường có nắng nhẹ, khí hậu dịu mát, buổi chiều mây và sương rơi xuống tạo cảm giác lạnh lạnh như trời thu và ban đêm là cái rét của mùa đông. Nhiệt độ không khí trung bình năm của Sa Pa là 15°C. Mùa hè, thị trấn không phải chịu cái nắng gay gắt như vùng đồng bằng ven biển, khoảng 13°C - 15°C vào ban đêm và 20°C - 25°C vào ban ngày. Mùa đông thường có mây mù bao phủ và lạnh, nhiệt độ có khi xuống dưới 0°C, đôi khi có tuyết. Lượng mưa trung bình hàng năm ở đây khoảng từ 1.800 đến 2.200 mm, tập trung nhiều nhất vào khoảng từ tháng 5 tới tháng 8.

Câu 26: Ý chính của đoạn các bạn vừa nghe trên là gì?

- A. Nói về thời tiết ở Sa Pa.
- B. Nói về đặc trưng của thời tiết ở thị trấn Sa Pa.
- C. Nói về lượng mưa trung bình ở Sa Pa.
- D. Nói về nhiệt độ ở thị trấn Sa Pa.

Câu 27: Vào mùa đông, thời tiết ở Sa Pa có những đặc điểm gì?

- A. Lạnh, nhiệt độ thấp, đôi khi có tuyết.
- B. Mây mù bao phủ, lạnh, nhiệt độ thấp, đôi khi có tuyết.
- C. Lạnh, nhiệt độ có khi xuống dưới 0°C, đôi khi có tuyết.
- D. Nhiệt độ thấp, có khi xuống dưới 0°C, đôi khi có tuyết.

Bài nghe cho câu hỏi 28 -29

Thưa quý vị và các bạn!

Hôm nay, không khí lạnh vẫn bao trùm toàn bộ lãnh thổ Việt Nam. Vào tối và đêm qua, người dân cả nước được đón một mùa Giáng sinh vui vẻ trong thời tiết đẹp

và se lạnh. Ở miền Bắc, Hà Nội không mưa, tiết trời vừa đủ lạnh không quá rét. Do độ ẩm trong không khí tăng lên đôi chút nên ta có cảm giác lạnh hơn mặc dù nhiệt độ không thay đổi. Ở miền Trung, sau một số ngày mưa liên miên đến trước ngày Giáng sinh, thời tiết đẹp hẳn lên, trời quang mây và hừng nắng. Chiều qua, ở Thành phố Hồ Chí Minh có một cơn mưa lớn, đột ngột. Tuy nhiên, sau đó mưa chỉ còn rất nhẹ nên vẫn không làm giảm lượng người thành phố đổ ra đường đón chào một đêm Giáng sinh vui vẻ. Để biết thêm chi tiết, sau đây mời các bạn theo dõi dự báo cho các vùng trong ngày mai.

Câu 28: Hãy cho biết, bản dự báo thời tiết trên là của ngày nào?

- A. Sáng ngày 24 tháng 12.
- B. Chiều, tối ngày 24 tháng 12.
- C. Sáng ngày 25 tháng 12.
- D. Sáng ngày 26 tháng 12.

Câu 29: Năm nay, người dân miền Trung đón lễ Giáng sinh trong thời tiết như thế nào?

- A. Mưa liên miên.
- B. Trời quang mây tạnh.
- C. Thời tiết đẹp và hừng nắng.
- D. Thời tiết lạnh và mưa liên miên.

PHẦN 3. Các câu hỏi từ 30 - 43

Hướng dẫn: Trong phần nghe 3, các bạn sẽ nghe các đoạn hội thoại và đoạn đọc. Mỗi câu hỏi, các bạn sẽ chọn một phương án đúng trong 4 phương án A, B, C, D. Bây giờ các bạn sẽ bắt đầu nghe cho câu hỏi 30 - 31.

Đoạn hội thoại cho câu hỏi 30 - 31

Nam: Hôm nay trời đẹp quá, chị Hà nhỉ?

Hà: Vâng, bây giờ đang cuối thu nên trời rất đẹp.

Nam: Tôi thấy mùa xuân ở Việt Nam cũng đẹp đấy chứ. Trời ấm, hoa nở nhiều, thời tiết mát mẻ...

Hà: Nhưng mùa xuân mưa phùn, trời ẩm ướt, đôi khi khó chịu lắm...

Nam: Còn mùa đông?

Hà: Mùa đông cũng được, chỉ hơi lạnh một chút thôi...

Nam: Thế, chị không thích mùa nào nhất?

Hà: Có lẽ mùa hè vì mùa hè thời tiết đã nóng, độ ẩm lại cao ...

Câu 30: Hai người trong hội thoại đang nói về chủ đề gì?

- A. Về thời tiết ở miền Bắc Việt Nam.
- B. Về thời tiết ở Việt Nam
- C. Về các mùa ở Việt Nam.

D. Về đặc trưng các mùa ở Việt Nam.

Câu 31: Trong bốn mùa, Hà ghét nhất mùa nào?

- A. Mùa hè.
- B. Mùa xuân và mùa hè.
- C. Mùa hè và mùa đông.
- D. Mùa xuân.

Đoạn hội thoại cho câu hỏi 32- 33

Nữ: Anh sắp đi Huế phải không, anh Hà?

Nam: Vâng, ngày mai tôi sẽ đi.

Nữ: Mai là ngày bao nhiêu, anh?

Nam: Mai là ngày mùng ba (03) tháng 3.

Nữ: Thế anh đã chuẩn bị xong chưa?

Nam: Xong rồi, chị ạ ...

Nữ: Anh sẽ đi Huế bao lâu?

Nam: Tôi làm việc với đối tác ở đó khoảng 5 ngày, sau đó tôi ra Hà Nội ngay.

Câu 32: Anh Hà đi Huế để làm gì?

- A. Để du lịch.
- B. Để gặp bạn.
- C. Để làm việc.
- D. Để dự đám cưới bạn.

Câu 33: Ngày nào anh Hà sẽ có mặt ở Hà Nội?

- A. Khoảng mùng năm (05) tháng ba.
- B. Khoảng mùng tám (08) tháng ba.
- C. Khoảng mùng ba (03) tháng ba.
- D. Khoảng mười ba (13) tháng ba.

Đoạn hội thoại cho câu hỏi 34-35

Nam: Ba ơi, nhà cậu cách trường đại học có xa không?

Nữ: Từ nhà tớ đến đấy khoảng 7 km.

Nam: Cậu thường đến trường bằng gì?

Nữ: Thường bằng xe máy, nhưng đôi khi húng lên đi bằng xe đạp.

Nam: Mình thấy ở Hà Nội, người ta chủ yếu đi lại bằng xe máy?

Nữ: Ừ, đường phố Hà Nội nhỏ, đi ô tô không tiện bằng xe máy...

Nam: Sao cậu không đi xe buýt?

Nữ: Nhà tớ cách bến xe buýt hơi xa. Rất tiếc. Nếu gần bến xe buýt thì đi xe buýt là tốt nhất.

Nam: Ừ, tớ cũng nghĩ thế.

Câu 34: Vì sao, ở Hà Nội, người ta thường đi lại bằng xe máy?

- A. Vì xe máy rất rẻ.
- B. Vì đường phố Hà Nội nhỏ.
- C. Vì hay tắc đường.
- D. Vì đi lại bằng ô tô đắt.

Câu 35: Vì sao Ba không thích đến trường bằng xe buýt?

- A. Vì nhà Ba xa bến xe buýt.
- B. Vì nhà Ba gần trường.
- C. Vì Ba đã có xe máy.
- D. Vì Ba thích đi lại bằng xe đạp.

Bài đọc cho câu hỏi 36-37

Một người phụ nữ đi cửa hàng về. Chị ấy mua rất nhiều quần áo, tư trang. Về nhà, chị ấy khoe với chồng:

- Hôm nay, em gặp một cô bán hàng rất tốt. Cô ấy nói với em là em đội mũ này trông trẻ ra 10 tuổi, mặc áo này trông trẻ ra 15 tuổi và đi đôi giày này thì y hệt cô gái 25 tuổi. Vì thế em đã mua tất cả những thứ này ở cửa hàng đó.

Chồng chị ấy cười và nói:

- Cô bán hàng thông minh quá. Tổng cộng 3 thứ bằng đúng số tuổi của em...

Câu 36: Người phụ nữ đã đi cửa hàng để mua gì?

- A. Mua quần áo, tư trang cho gia đình.
- B. Mua quần áo, tư trang cho mình.
- C. Mua quần áo cho con cái
- D. Mua quần áo, tư trang cho chồng.

Câu 37: Vì sao người chồng khen cô bán hàng thông minh?

- A. Cô bán hàng bán được nhiều hàng.
- B. Cô bán hàng biết cách làm cho khách hàng vui.
- C. Cô bán hàng đã đoán chính xác tuổi của vợ anh ấy.
- D. Cô bán hàng khôn ngoan.

Bài đọc cho câu hỏi 38-39

Chợ nổi là nét sinh hoạt độc đáo của vùng châu thổ sông Cửu Long. Chợ họp trên sông, giữa một vùng sông nước bao la là hàng trăm, hàng nghìn chiếc ghe, xuồng của dân miệt vườn miền Tây Nam bộ về đây tụ tập mua bán.

Chợ họp suốt cả ngày, nhưng nhộn nhịp nhất là vào buổi sáng. Thuyền, ghe nào cũng xếp đầy hàng hoá nông sản. Các loại trái cây theo mùa như: chôm chôm, xoài, cam, quýt, bưởi, măng cụt, sầu riêng,..., các đặc sản của vùng sông nước kênh rạch như: cá đồng, rùa, rắn, cua, tôm, chim đồng, bông súng... Ở đây mọi sự mua bán, các

loại dịch vụ, ăn uống đều diễn ra trên những chiếc ghe, thuyền.

Các chợ nổi lớn hay được nhắc tới, như các chợ nổi Phụng Hiệp, Phong Điền (Hậu Giang), Cái Răng (Cần Thơ), Cái Bè (Tiền Giang),... Phần lớn các loại nông sản, trái cây ở đây được bán sỉ cho những thương nhân rồi từ đó được chuyển tới các nhà máy chế biến thực phẩm, thậm chí còn được chở ra tận Hà Nội và các địa phương ngoài Bắc.

Câu 38: Nét đặc trưng của chợ nổi là gì?

- A. Chợ họp suốt cả ngày, nhưng nhộn nhịp nhất là vào buổi sáng.
- B. Mọi sự mua bán, dịch vụ, ăn uống đều diễn ra trên những chiếc ghe, thuyền.
- C. Chợ Nổi là nét sinh hoạt độc đáo của vùng châu thổ sông Cửu Long.
- D. Hàng hóa được chở ra tận Hà Nội và các địa phương ngoài Bắc.

Câu 39: Phần lớn các loại nông sản, trái cây ở chợ nổi được:

- A. Bán lẻ cho các thương nhân.
- B. Bán sỉ tận tay người tiêu dùng.
- C. Bán sỉ cho các thương nhân.
- D. Bán lẻ cho người tiêu dùng.

Bài đọc cho câu hỏi 40-41

Theo thống kê của Liên Hiệp quốc về vấn đề già hóa dân số thì năm 1977, số người có độ tuổi từ 65 trở lên chiếm 7% dân số thế giới. Châu Âu là khu vực già nhất, chiếm 14%, sau đó là Bắc Mỹ 13%. Châu Phi là khu vực trẻ nhất với số người già trên 65 tuổi chiếm 3%. Còn châu Á chiếm 5% trong đó Trung Quốc và Nhật Bản là hai nước có quá trình lão hóa nhanh nhất.

Ở Việt Nam, năm 1999 có khoảng 5 triệu người trên 60 tuổi, chiếm khoảng 5% dân số trong đó hơn $\frac{1}{2}$ số người già này sống trong các gia đình 3 thế hệ. Người Việt Nam từ xưa đến nay có truyền thống tôn trọng người già. Bởi vì do luôn luôn phải đấu tranh với thiên nhiên để tồn tại và duy trì cuộc sống nên người Việt Nam cần nhiều kinh nghiệm từ những người già và các thế hệ trước. Người càng nhiều tuổi, kinh nghiệm càng nhiều nên họ càng được kính trọng.

Câu 40: Nội dung chính của đoạn các bạn vừa nghe là gì?

- A. Vấn đề già hóa dân số của Việt Nam.
- B. Vấn đề già hóa dân số trên thế giới.
- C. Vai trò của người già ở Việt Nam.
- D. Vấn đề già hóa dân số trên thế giới và ở Việt Nam.

Câu 41: Tỷ lệ già hóa dân số của châu Á đứng thứ mấy trên thế giới?

- A. Đúng thứ hai.
- B. Đúng thứ ba.
- C. Đúng thứ tư.
- D. Đúng thứ năm.

Bài đọc cho câu hỏi 42-43

Ai cũng biết giấc ngủ rất cần thiết cho sức khỏe của chúng ta. Nó giúp giải tỏa những mệt mỏi, căng thẳng trong ngày, để chúng ta bắt đầu cho một ngày mới. Đó là yếu tố sinh học tự nhiên trong chu kỳ 24 giờ của chúng ta. Ngủ là phản ứng tự nhiên của con người để lấy lại thăng bằng cho cơ thể. Một ngày hoạt động thể lực nhiều thường mang lại một giấc ngủ ngon vào buổi tối.

Giấc ngủ rất quan trọng đối với sức khỏe, nó là một trong những yếu tố giúp cho con người hoạt động một cách hữu hiệu trong đời sống. Các chuyên gia cho rằng, buổi tối là khoảng thời gian hệ thống miễn dịch bài tiết các chất độc hại, đồng thời đó cũng là khoảng thời gian hồi phục của hệ thống miễn dịch của cơ thể. Đối với gan, khoảng thời gian từ 1 giờ đến 3 giờ sáng là lúc gan hoạt động mạnh nhất để bài tiết các chất độc hại, vì thế trong khoảng thời gian này càng ngủ sâu thì càng có tác dụng giúp gan hoàn thành việc loại trừ các độc tố trong cơ thể.

Câu 42: Chúng ta phải ngủ để:

- A. Đáp ứng nhu cầu tự nhiên của con người.
- B. Giải tỏa mệt mỏi, căng thẳng để bắt đầu cho một ngày mới.
- C. Lấy lại thăng bằng cho cơ thể.
- D. Cả A và B.

Câu 43: Ngủ sâu là cần thiết để:

- A. Gan hoàn thành việc loại trừ các độc tố trong cơ thể.
- B. Tránh ngủ gật trong hội nghị, lớp học, công sở vào ngày hôm sau.
- C. Tránh tình trạng gan nhiễm mỡ, một căn bệnh phổ biến hiện nay.
- D. Trợ giúp gan bắt đầu quá trình bài tiết.

PHẦN 4. Câu hỏi từ 44 – 55

Hướng dẫn: Trong phần nghe 4, các bạn sẽ được nghe các bài đọc. Mỗi bài có 2 câu hỏi. Mỗi câu hỏi, các bạn sẽ chọn một phương án đúng trong 4 phương án : A, B, C, D. Bây giờ các bạn bắt đầu nghe bài đọc cho câu hỏi 44 -45.

Bài đọc cho câu hỏi 44 -45

Trong tự nhiên, nước tồn tại dưới 3 dạng khác nhau. Ở dạng lỏng, nước được chứa trên các đại dương, sông, suối, hồ và nằm sâu dưới mặt đất (nước ngầm). Ở dạng rắn, nước tồn tại trên những đỉnh núi cao quanh năm bao phủ bởi đá, tuyết. Còn ở dạng hơi, nước tồn tại một cách vô hình, trong không khí hay có thể dễ nhận ra trong các đám mây... Một chu kỳ nước được chia làm 4 giai đoạn. Đầu tiên là mưa. Nước mưa rơi xuống làm ướt bề mặt trái đất. Tiếp đó, lượng nước mưa trên mặt đất được chia thành hai, một lượng lớn theo các dòng sông, suối chảy ra đại dương và lượng còn lại chảy vào các hồ, ngầm sâu vào đất. Giai đoạn thứ 3 là hiện tượng nước trên bề mặt sông, suối, hồ, đại dương bốc hơi thành khí bay lên tạo ra mây. Và cuối cùng, khi những đám mây gặp lạnh, chúng biến thành nước, rồi lại tiếp tục rơi xuống mặt đất (gọi là mưa). Hiện tượng xảy ra như vậy được gọi là một chu kỳ nước. Trong tự nhiên, quá trình tái tạo nước xảy ra một cách liên tục không ngừng, không nghỉ.

Câu 44: Trong điều kiện tự nhiên, nước tồn tại dưới mấy dạng?

- A. Tồn tại dưới 2 dạng.
- B. Tồn tại dưới 3 dạng.
- C. Tồn tại dưới 4 dạng.
- D. Tồn tại một cách vô hình.

Câu 45: Một chu kỳ nước gồm 4 giai đoạn. Giai đoạn đầu tiên và cuối cùng nước tồn tại dưới dạng nào?

- A. Tồn tại dưới dạng rắn.
- B. Tồn tại dưới dạng khí.
- C. Tồn tại dưới dạng lỏng.
- D. Tồn tại dưới cả 3 dạng trên.

Bài đọc cho câu hỏi 46 -47

Tôi là một người không bao giờ đồng tình với việc chơi xổ số. Vì vậy, tôi phản đối các trò chơi xổ số nhà nước với những lý do sau:

Trước hết, việc nhà nước hằng ngày mở xổ số đồng nghĩa với việc nhà nước khuyến khích người dân chơi cờ bạc. Tôi chưa bao giờ thấy mặt ích lợi của cờ bạc mà chỉ thấy nó gây đau khổ cho con người. Một lý do khác là việc quảng cáo trò chơi xổ số trên các phương tiện thông tin đại chúng, vô tình đã tạo ra tâm lý dễ giàu và muốn giàu nhanh cho con người. Nhất là với những người say mê cờ bạc, họ sẵn sàng bán hết tài sản để lao vào những cuộc đổ đên. Cuối cùng, trò chơi xổ số còn làm cho những người vốn nghèo càng nghèo hơn. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, những người có thu nhập thấp bao giờ cũng chơi xổ số nhiều hơn những người thu nhập cao. Đây là một thực tế phũ phàng của trò chơi xổ số: Nhà nước không phải đang kêu gọi mọi người

thực hành tiết kiệm mà là đang khuyến khích họ ném tiền qua cửa sổ với những mơ mộng hảo huyền.

Câu 46: Tác giả đã đưa ra mấy lý do khi phân tích tác hại của trò chơi xổ số nhà nước?

- A. Hai lí do.
- B. Ba lí do.
- C. Bốn lí do.
- D. Năm lí do.

Câu 47: Thái độ của tác giả đối với việc chơi xổ số như thế nào?

- A. Ủng hộ hoàn toàn việc chơi xổ số.
- B. Phản đối hoàn toàn việc chơi xổ số.
- C. Vừa ủng hộ vừa phản đối việc chơi xổ số.
- D. Không thể hiện quan điểm, thái độ của mình.

Bài đọc cho câu hỏi 48 -49

Có nhiều nguyên nhân gây tai nạn máy bay, cả chủ quan lẫn khách quan. Nguyên nhân chủ quan là do sự non kém kinh nghiệm của người lái trong những trường hợp khẩn cấp mà không biết cách xử lý kịp thời hay do sự trục trặc của máy móc thiết bị hoặc nhiên liệu. Nguyên nhân khách quan bao gồm yếu tố thời tiết như mưa to, bão, sấm chớp, trời mù sương,... Cũng có thể máy bay vô tình bị cuốn vào những vùng có từ trường mạnh hoặc rơi vào tay bọ không tặc, khủng bố,... Người ta đã tổng kết từ 1950 đến 2004 đã xảy ra 2.147 vụ tai nạn máy bay, trong đó 37% nguyên nhân gây ra tai nạn là do sai lầm của người lái; 33% chưa kết luận được chính xác; 13% do máy móc hoạt động không bình thường; 7% do thời tiết; 5% do cài bom, bắt cóc và bị bắn; 4% do con người nhưng nằm ở khâu hướng dẫn bay, ngôn ngữ và các tín hiệu không phù hợp hoặc những vấn đề về nhiên liệu; 1% là do nguyên nhân máy bay đâm vào chim hoặc đâm nhau. Máy bay có thể gặp tai nạn ở tất cả các thời điểm trong một chuyến bay, nhưng hai giai đoạn thường xảy ra tai nạn nhiều nhất là lúc lên và lúc xuống, trong đó lúc xuống chiếm tới 51%.

Câu 48: Hãy cho biết máy bay gặp tai nạn nhiều hơn khi cất cánh hay hạ cánh?

- A. Khi cất cánh và hạ cánh đều bằng nhau.
- B. Khi cất cánh gặp nhiều hơn khi hạ cánh.
- C. Khi hạ cánh gặp nhiều hơn khi cất cánh.
- D. Cả khi cất cánh lẫn hạ cánh đều gặp tai nạn nhiều nhất.

Câu 49: Theo số liệu tổng kết tai nạn máy bay từ 1950 đến 2004 thì nguyên nhân nào chiếm số lượng nhiều nhất?

- A. Do trục trặc máy móc.
- B. Do không rõ nguyên nhân.
- C. Do thời tiết.
- D. Do sai lầm của người lái.

Bài đọc cho câu hỏi 50 -51

Bạn hãy quan sát thật kỹ một đám cưới!
Đi bên cạnh cô dâu, chú rể là những đôi “nam thanh nữ tú”. Họ là những ai? Thường đó là những nam nữ thanh niên chưa vợ chưa chồng cốt để cho cô dâu, chú rể có bầu có bạn và làm cho đám cưới thêm đẹp, thêm vui. Duy chỉ có điều, những người này phải ăn mặc giản dị hơn cô dâu, chú rể, phải làm nền để cô dâu, chú rể đẹp hơn.
Đám cưới thời xưa, chỉ có những cô gái đi cạnh cô dâu, còn chú rể không cần. Những người đi cạnh cô dâu thường là người cô, người dì hay chị em thân thích của cô dâu, được cô dâu tin yêu và cha mẹ cô dâu ủy thác cho đi bên cạnh để truyền kinh nghiệm làm dâu, làm vợ, làm mẹ cho con gái mình. Không phải ai cũng được chọn đi bên cạnh cô dâu trong ngày cưới mà người được chọn phải là những người may mắn, tốt phước, gia đình êm ấm, hạnh phúc, có trai có gái, nhà cửa đùm huề.

Câu 50: Hãy cho biết, thành ngữ “nam thanh nữ tú” nghĩa là gì?

- A. Nam và nữ bạn bè.
- B. Nam và nữ thanh niên
- C. Nam và nữ thanh niên trẻ, đẹp
- D. Nữ làm phù dâu, nam làm phù rể.

Câu 51: Trong các đám cưới thời xưa, các phù dâu có những nhiệm vụ gì?

- A. Làm cho đám cưới thêm đẹp, thêm vui.
- B. Để truyền kinh nghiệm làm dâu, làm vợ, làm mẹ.
- C. Để giúp đỡ cô dâu lúc ồm đau.
- D. Để làm nền cho cô dâu thêm đẹp hơn, xinh hơn.

Bài đọc cho câu hỏi 52 -53

Đối với người Việt Nam, việc lập gia đình và sinh con cực kì quan trọng. Khi hai vợ chồng có con thì quan hệ bền chặt hơn. Họ cảm thấy hạnh phúc hơn và cũng nhiều trách nhiệm hơn. Vì thế, những cặp vợ chồng nếu không thể có con thì họ hoặc là nuôi con nuôi hoặc là li hôn để kết hôn lần hai và sinh con. Ngày xưa, các gia đình muốn có nhiều con vì quan niệm “nhiều con, nhiều lộc” (nhiều con là nhiều của cải), muốn có nhiều người làm. Ngày nay, Nhà nước Việt Nam khuyến khích giảm tỉ lệ sinh đẻ, mỗi gia đình chỉ nên có một hoặc hai con. Tuy nhiên chính sách này chỉ áp dụng tương đối có hiệu quả ở thành phố, còn ở nông thôn, người ta vẫn sinh nhiều con. Hơn nữa, xã hội Việt Nam là xã hội phụ hệ, “trọng nam khinh nữ” (coi trọng con trai hơn

con gái) nên đa số người Việt rất muốn có con trai. Vì thế, nhiều gia đình ở nông thôn, dù đã có 3, 4 con gái vẫn cố gắng sinh một đứa con trai. Còn ở thành phố, nhiều gia đình chỉ có 1 hoặc 2 con gái, nhưng họ cũng không muốn sinh thêm con nữa. Mặc dù vậy, xét đến cùng, hầu hết đàn ông Việt Nam đều mong ước có con trai.

Câu 52: Nội dung chính của đoạn mà bạn vừa nghe chủ yếu đề cập đến:

- A. Việc lập gia đình và sinh con của người Việt.
- B. Chính sách sinh đẻ của Nhà nước Việt Nam.
- C. Xã hội Việt Nam là một xã hội phụ hệ.
- D. Chủ yếu là quan niệm về việc sinh con của người Việt.

Câu 53: Điều gì dưới đây thể hiện cao nhất mức độ quan trọng của việc có con đối với người Việt?

- A. Nếu hai vợ chồng có con thì quan hệ bền chặt hơn.
- B. Nếu hai vợ chồng có con thì họ cảm thấy hạnh phúc hơn.
- C. Nếu hai vợ chồng có con thì họ có nhiều trách nhiệm hơn.
- D. Nếu không có con thì họ xin con nuôi hoặc kết hôn lần hai và sinh con.

Bài đọc cho câu hỏi 54 -55

CHUỘT NHÀ VÀ CHUỘT ĐỒNG

Chuột nhà và Chuột đồng là bạn thân của nhau. Chuột đồng sống ở nông thôn, ngày ngày ra đồng ăn thóc, cuộc sống rất vui vẻ, hạnh phúc. Chuột nhà sống trong một hốc tường của một gia đình giàu có ở thành phố. Khi chủ nhà đi vắng, Chuột nhà chạy ra trộm thức ăn: nào là đỗ, thóc, pho mát, mật ong,... Cuộc sống của Chuột nhà cực kỳ sung túc.

Một hôm, Chuột đồng mời Chuột nhà đến chơi. Chuột nhà diện lễ phục về chốn đồng quê dự tiệc. Chuột đồng mang đại mạch và thóc mà mình dự trữ được ra đãi khách. Chuột nhà vừa ăn đại mạch và thóc vừa bảo Chuột đồng:

- Bạn thân mến ơi, bạn sống như một con kiến tầm thường vậy. Còn chỗ tôi thì có bao nhiêu là thứ ngon. Bạn hãy lên thành phố hưởng thụ với tôi.

Thế là Chuột đồng theo Chuột nhà lên thành phố sinh sống. Trong bếp nhà chủ của Chuột nhà, Chuột đồng thấy có đỗ, thóc, lại còn có cả pho mát, mật ong,... Nó thèm đến nổi nước miếng cứ chảy ra ròng ròng. Không ngờ Chuột nhà lại có lắm cái ăn như vậy, nó rất ngưỡng mộ Chuột nhà.

Khi chúng đang chuẩn bị đánh chén thì có tiếng người mở cửa bếp. Chuột nhà nhát gan, nghe thấy tiếng động liền ba chân bốn cẳng chui tọt vào hang. Khi xung quanh yên tĩnh trở lại nó mới dám chui ra. Vừa định cầm miếng pho mát lên thì lại có người mở cửa bếp. Chuột nhà lại vội vàng trốn vào hang.

Lúc này, Chuột đồng đói đến mức bụng kêu òng ọc. Nó run run nói với Chuột

nhà:

- Tạm biệt bạn thân mến! Bạn cứ việc hưởng thụ những thứ ngon lành này đi, còn tôi không muốn cứ phải nơm nớp lo sợ như thế nữa. Tôi sẽ quay về ăn thóc, sống một cuộc sống bình thường và yên ổn.

Câu 54: Chuột đồng thấy thức ăn thường ngày của chuột nhà gồm:

- A. Đỗ, thóc, pho mát...
- B. Đỗ, thóc, pho mát, mật ong...
- C. Đỗ, thóc, pho mát, mật ong, đại mạch.
- D. Thóc, pho mát, mật ong, đại mạch....

Câu 55: Chuột đồng tạm biệt Chuột nhà, bỏ thành phố về quê có ngụ ý gì?

- A. Cuộc sống thành phố không hợp với Chuột đồng.
- B. Chuột đồng và chuột nhà có quan điểm sống khác nhau.
- C. Thà sống giản dị trong bình yên còn hơn sung túc, đầy đủ trong lo lắng, sợ hãi.
- D. Cuộc sống thành phố sung túc, đầy đủ nhưng luôn sống trong lo lắng sợ hãi.

HẾT BÀI THI NGHE

BÀI THI ĐỌC

Thời gian: 60 phút

Số câu hỏi: 40

Hướng dẫn:

1. Bài thi Đọc gồm 2 phần: Phần 1 gồm hai bài (đoạn trích), phần 2 gồm ba bài (đoạn trích). Sau mỗi bài sẽ có các câu hỏi, mỗi câu hỏi có 04 phương án: A, B, C, D.

Tổng số các câu hỏi của Bài thi Đọc là 40 câu, có số thứ tự từ 1 đến 40, được phân bố như sau:

Bài 1: 10 câu hỏi

Bài 2: 6 câu hỏi

Bài 3: 8 câu hỏi

Bài 4: 8 câu hỏi

Bài 5: 8 câu hỏi

2. Các bạn hãy đọc từng bài, tìm phương án đúng cho từng câu hỏi và đánh dấu vào một trong bốn phương án A, B, C, D, tương ứng trong phiếu trả lời.

3. Thời gian 60 phút dành cho các việc: Đọc các đoạn trích, câu hỏi, tìm phương án và đánh dấu phương án trong phiếu trả lời.

Phần 1

Bài 1) Đọc bài dưới đây và trả lời từ câu hỏi 1 đến câu hỏi 10

(1) Bạn tôi, Sara, là người Mỹ. Chị ấy sống và làm việc ở Hà Nội đã hơn 10 năm. Sara dạy tiếng Anh ở một trường Đại học. Chồng Sara tên là Philip. Anh ấy là người Pháp. Philip làm việc cho một ngân hàng lớn ở phố Ngô Quyền Hà Nội. Vợ chồng Sara có một con gái 12 tuổi, học lớp 6 và một con trai 10 tuổi học lớp 4. Họ thuê nhà ở gần Hồ Tây. Sara bảo: Bây giờ Hà Nội là quê hương thứ hai của vợ chồng chị. Cả gia đình Sara rất yêu mến Việt Nam. Họ nói tiếng Việt rất giỏi.

(2) Tuần trước, Sara gửi thư cho tôi. Trong thư, chị ấy kể rất nhiều về Hà Nội. Tôi đọc thư của Sara và biết Hà Nội là thủ đô của Việt Nam từ năm 1010. Năm 2010, Hà

Nội đã tròn 1000 tuổi. Lúc đầu, Hà Nội được đặt tên là *Thăng Long*. *Thăng long* có nghĩa là *rồng bay lên*. Tên gọi *Hà Nội* có từ 1831. Giữa thành phố có một cái hồ tên là hồ Hoàn Kiếm. Hồ này nhỏ, nhưng rất đẹp. Sara cũng gửi cho tôi một bài giới thiệu và hướng dẫn đi du lịch ở Hà Nội.

(3) Thời gian tốt nhất để đến Hà Nội là mùa thu. Mùa thu Hà Nội dài gần ba tháng, bắt đầu từ đầu tháng 9 đến cuối tháng 11. Lúc này trời mát mẻ, khô ráo, đôi khi có những cơn mưa nhẹ, không còn nắng nóng. Bạn có thể bay đến sân bay quốc tế Nội Bài với nhiều hãng hàng không quốc tế và hãng Vietnam Airlines. Nếu bay trong Việt Nam, bạn có thể bay với hãng hàng không Air Mekong, Jetstar và Vietjet Air với giá rẻ hấp dẫn.

(4) Trong thành phố, bạn có thể đi lại bằng xe bus, tắc - xi, xe máy, ô tô hoặc có thể đi xích lô, ô tô điện, giá rất rẻ. Bạn cũng có thể đến khu phố cổ của Hà Nội thuê xe đạp hoặc xe máy để đi. Xe đạp hoặc xe máy thuê để đi trong thành phố, rất tiện và rẻ. Hà Nội có đường sắt đi các tỉnh phía Bắc và toàn quốc. Đây cũng là phương tiện ưa thích của khách du lịch nước ngoài khi ở Hà Nội dài ngày.

(5) Hà Nội có nhiều món ăn ngon nổi tiếng. Món ngon đầu tiên người ta thường nhắc đến là món phở. Khách du lịch tới Hà Nội cũng thường thưởng thức món chả cá Lã Vọng, bánh cuốn Thanh Trì, bánh tôm Hồ Tây, cốm Vòng,...

(6) Khách sạn tại Hà Nội giá cao nhất trên 200 USD một đêm, giá thấp nhất là 15 USD một đêm. Nhà trọ bình dân giá khoảng 80.000 - 120.000 VND một đêm. Bạn muốn tìm một khách sạn bình dân thì nên tìm ở khu phố cổ. Muốn có phòng trong dịp lễ Giáng sinh, năm mới, hoặc tết âm lịch, bạn nên đặt trước từ 2 đến 3 tháng. Bạn có thể trực tiếp đặt phòng tại các khách sạn rất dễ dàng, nhưng đặt ở đây hơi đắt. Đặt phòng qua các công ty du lịch thì giá sẽ rẻ hơn nhiều.

Câu 1. Chồng Sara là người nước nào?

- A. Anh ấy là người Phi-líp-pin.
- B. Anh ấy là người Philip.
- C. Anh ấy là người Pháp.
- D. Anh ấy là người Mỹ.

Câu 2. Vợ chồng Sara có mấy con?

- A. Họ có bốn con.
- B. Họ có hai con.

- C. Họ có ba con.
- D. Họ có một con.

Câu 3. Theo đoạn (2), Hà Nội là thủ đô của Việt Nam từ bao giờ?

- A. Từ 1010 năm.
- B. Từ năm 1010.
- C. Từ năm 2010.
- D. Từ năm 1000.

Câu 4. Từ đầu tháng 9 cho đến cuối tháng 11 là mùa gì ở Hà Nội?

- A. Mùa xuân.
- B. Mùa hè.
- C. Mùa thu.
- D. Mùa đông.

Câu 5. Đoạn (4) cho biết, khi ở Hà Nội, bạn có thể đi lại bằng mấy loại xe?

- A. Tám loại.
- B. Chín loại.
- C. Sáu loại.
- D. Bảy loại.

Câu 6. Theo đoạn (4), ở Hà Nội, bạn có thể thuê xe đạp hoặc xe máy ở đâu?

- A. Ở các thành phố.
- B. Ở một phố cổ.
- C. Ở khu phố cổ.
- D. Ở thành phố cổ.

Câu 7. Món ngon Hà Nội người ta thường nhắc đến đầu tiên là món gì?

- A. Cốm làng Vòng.
- B. Bánh cuốn Thanh Trì.
- C. Chả cá Lã Vọng.
- D. Phở.

Câu 8. Theo đoạn (6), ở khu phố cổ Hà Nội, bạn có thể tìm được loại khách sạn nào?

- A. Khách sạn rẻ tiền.
- B. Khách sạn đắt tiền.
- C. Khách sạn cao cấp.
- D. Khách sạn bình dân.

Câu 9. Khi nào bạn nên đặt phòng khách sạn trước từ 2 đến 3 tháng?

- A. Khi muốn có phòng trong dịp lễ giáng sinh.

- B. Khi muốn có phòng trong dịp năm mới.
- C. Khi muốn có phòng trong dịp tết âm lịch.
- D. Cả A, B, C.

Câu 10. Câu nào là câu sai trong 4 câu dưới đây?

- A. Mùa này, giá khách sạn ở đây đắt hơn.
- B. Mùa này, giá khách sạn ở đây đắt nhất.
- C. Mùa này, giá khách sạn ở đây khá rẻ.
- D. Mùa này, giá khách sạn ở đây khá rẻ nhất.

Phần 1

Bài 2) Đọc bài dưới đây và trả lời từ câu hỏi 11 đến câu hỏi 16

(1) Viện Thống kê và Đánh giá y tế (IHME) thuộc Đại học Washington nghiên cứu về thừa cân và béo phì vừa cho biết: trên toàn thế giới, số người thừa cân, béo phì hiện nay đã là 2,1 tỷ người, chiếm gần 30% dân số. Hơn 671 triệu người béo phì sống tại 10 quốc gia là Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ, Nga, Brazil, Mexico, Ai Cập, Đức, Pakistan, Indonesia.

(2) Trung tâm Kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh của Mỹ cho biết hơn 36% người nước này béo phì và 34% thừa cân. Ở Anh, có 67% nam giới và 57% phụ nữ thừa cân hoặc béo phì. Ở các nước đang phát triển, số phụ nữ béo phì nhiều hơn so với nam giới. Ở các nước phát triển thì số lượng nam giới béo phì nhiều hơn nữ giới. Nguyên nhân được cho là ở các nước đang phát triển, đàn ông phải di chuyển đi lại làm việc nhiều hơn, ít có thời gian sử dụng máy tính hơn nên ít béo phì hơn.

(3) Theo các chuyên gia, sự gia tăng nhanh chóng số người thừa cân, béo phì là do ảnh hưởng của lối sống hằng ngày. Người ta lười vận động và tiêu thụ quá nhiều thực phẩm giàu năng lượng. Những bữa ăn theo truyền thống đang dần dần được thay thế bằng các loại thức ăn công nghiệp không kiểm soát được. Béo phì và thừa cân đang gây ra gánh nặng về sức khỏe trong xã hội. Nó cũng là nguyên nhân dẫn đến tử vong sớm do các bệnh tim mạch, tiểu đường, đột quỵ,...

(4) Các nhà nghiên cứu Đại học Yale cho biết: 67% số người thừa cân, béo phì cảm thấy xấu hổ khi đến phòng khám của bác sĩ. Khi có vấn đề sức khỏe, nhiều bệnh nhân béo phì thường hoãn hoặc tránh gặp bác sĩ. Các nghiên cứu cũng nói rằng có mối liên quan giữa tiền lương với béo phì. Người béo phì, đặc biệt là phụ nữ, có thu nhập trung bình thấp hơn nhiều so với người có cân nặng bình thường.

(5) Các chuyên gia về sức khỏe kêu gọi từng quốc gia, địa phương, từng gia đình, cá nhân cần nâng cao ý thức cải thiện sức khỏe bản thân để giảm tỷ lệ thừa cân, béo phì, đặc biệt là béo phì ở trẻ em.

Câu 11. Tại 10 quốc gia được kể tên trong đoạn (1), có bao nhiêu người bị thừa cân, béo phì đang sinh sống ?

- A. 30 % dân số.
- B. 67% dân số.
- C. 2,1 tỷ người.
- D. 671 triệu người.

Câu 12. Theo đoạn (2), ở những nước nào, số nam giới béo phì nhiều hơn nữ giới?

- A. Ở các nước không phát triển.
- B. Ở các nước đang phát triển.
- B. Không xác định nước nào.
- D. Ở các nước phát triển.

Câu 13. Béo phì và thừa cân đang gây gánh nặng về cái gì trong xã hội?

- A. Gánh nặng về bệnh đột quy.
- B. Gánh nặng về bệnh tiểu đường.
- C. Gánh nặng về bệnh tim mạch.
- D. Gánh nặng về sức khỏe.

Câu 14. Theo đoạn trích, nhiều bệnh nhân béo phì thường hoãn hoặc tránh gặp bác sĩ, vì:

- A. Họ rất sợ phải đến phòng khám.
- B. Bác sĩ không giúp họ ở phòng khám.
- C. Bác sĩ xấu hổ khi họ đến phòng khám.
- D. Họ thấy xấu hổ khi đến phòng khám.

Câu 15. Người béo phì có thu nhập trung bình như thế nào so với người bình thường?

- A. Bằng người bình thường.
- B. Cao hơn người bình thường.
- C. Nhiều hơn người bình thường.

D. Thấp hơn người bình thường.

Câu 16. Các chuyên gia kêu gọi mọi người nâng cao ý thức cải thiện sức khỏe để:

- A. Giảm căn bệnh tiểu đường.
- B. Giảm nguyên nhân đột quỵ.
- C. Giảm các bệnh tim mạch.
- D. Giảm tỷ lệ thừa cân, béo phì.

Phần 2

Bài 3) Đọc bài dưới đây và trả lời từ câu hỏi 17 đến câu hỏi 24

(1) Ở châu Á, an ninh nguồn nước đang bị nhiều yếu tố đe dọa: Tăng trưởng dân số, đô thị hóa, ô nhiễm, khai thác nước ngầm quá mức, biến đổi khí hậu...[A]. Chúng ta đang có nhiều thách thức: Phải cải thiện nguồn nước cho nông nghiệp, phải khai thác năng lượng nước, phải đáp ứng đủ nước cho công nghiệp, phải bảo vệ chất lượng nước, phải bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên.

(2) Sông Mê Kông chảy qua 6 nước, trong đó có Việt Nam. Nguồn thủy sản của Mê Kông giúp nuôi sống khoảng 65 đến 80 triệu dân. Vùng đồng bằng sông Mê Kông đóng góp khoảng một nửa lượng lúa gạo của Việt Nam. Nó bảo đảm được an ninh lương thực cho người dân ở đây. [B]. 12 tỉnh đồng bằng sông Mê Kông của Việt Nam có dân số 17 triệu người. [C]. Khoảng 80 % số đó gắn liền với sản xuất lúa gạo. Điều này giúp cho Việt Nam trở thành một trong những quốc gia có nền nông nghiệp phát triển nhất khu vực. Nhưng sự biến đổi khí hậu và sự phát triển các công trình xây dựng ở thượng nguồn Mê Kông đang làm cho ngành sản xuất lúa gạo của Việt Nam bị đe dọa.

(3) Việc sử dụng tài nguyên nước quá mức cho phép, tình trạng ô nhiễm do công nghiệp, ô nhiễm do nông nghiệp và nước thải đang đe dọa môi trường của khu vực sông Mê Kông. Chìa khóa để duy trì sức khỏe, an ninh con người và năng suất lao động là phải bảo đảm giữ chất lượng nước ở mức chấp nhận được.

(4) Các đập thủy điện đã xây dựng hoặc sẽ được xây dựng trong khu vực Mê Kông sẽ đe dọa trước mắt và lâu dài an ninh lương thực của hàng chục triệu dân ở vùng hạ lưu sông Mê Kông, trong đó có Việt Nam. Mùa khô, dòng chảy của Mê Kông nhỏ, không thể ngăn nước biển lấn sâu vào đồng bằng sông Mê Kông của Việt Nam. [D].

(5) Chúng ta chưa đánh giá được nhiều về tác động của sông Mê Kông. Những rủi ro về chất lượng nước, về sức khỏe, an ninh con người và môi trường sống **hàng ngày hàng giờ** đang trở nên nghiêm trọng. Cần phải có nhiều nghiên cứu và tăng cường hợp tác nghiên cứu hơn nữa để hiểu và đánh giá đầy đủ những tác động của sông Mê Kông.

Câu 17. Đoạn (1) cho biết, có mấy yếu tố đang đe dọa an ninh nguồn nước ở châu Á?

- A. Bốn yếu tố.
- B. Năm yếu tố.
- C. Ba yếu tố.
- D. Sáu yếu tố.

Câu 18. Đoạn (2) cho biết đồng bằng sông Mê Kông đóng góp vào lượng lúa gạo của Việt Nam như thế nào?

- A. Đóng góp gần một nửa lượng lúa gạo của Việt Nam.
- B. Đóng góp hơn một nửa lượng lúa gạo của Việt Nam.
- C. Đóng góp hết một nửa lượng lúa gạo của Việt Nam.
- D. Đóng góp khoảng một nửa lượng lúa gạo của Việt Nam.

Câu 19. Nội dung đoạn (2) cho biết 80 % dân số ở đồng bằng sông Mê Kông gắn liền với cái gì?

- A. Gắn liền với sản xuất lúa gạo.
- B. Gắn liền với xuất khẩu lúa gạo.
- C. Gắn liền với buôn bán lúa gạo.
- D. Gắn liền với chế biến lúa gạo.

Câu 20. Theo đoạn (3), chìa khóa để duy trì sức khỏe, an ninh con người và năng suất lao động là gì ?

- A. Bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu.
- B. Ngừng xây dựng các đập thủy điện.
- C. Kiểm soát tăng trưởng nhanh dân số.
- D. Giữ chất lượng nước ở mức chấp nhận được.

Câu 21. Câu “ *Khả năng đồng bằng bị nước mặn tấn công là rất lớn.* ” có thể điền vào vị trí nào (A, B, C, D) trong đoạn trích là phù hợp ?

- A. [A]
- B. [B]
- C. [C]
- D. [D]

Câu 22. Cụm từ “ **hằng ngày hàng giờ** ” được in đậm trong bài có thể được hiểu là:

- A. Mỗi ngày một giờ.
- B. Từng giờ trong ngày.
- C. Từng ngày trong năm.
- D. Liên tục và nhanh.

Câu 23. Theo đoạn (5), chúng ta cần hợp tác nghiên cứu nhiều hơn nữa để làm gì?

- A. Để hiểu đầy đủ sự biến đổi khí hậu vùng sông Mê Kông.
- B. Để hiểu đầy đủ sự ô nhiễm và đe dọa của sông Mê Kông.
- C. Để hiểu và đánh giá đầy đủ sự nguy hiểm của sông Mê Kông.
- D. Để hiểu và đánh giá đầy đủ những tác động của sông Mê Kông.

Câu 24. Nội dung chính của bài này nói về:

- A. Sự ô nhiễm môi trường vùng sông Mê Kông.
- B. An ninh nguồn nước sông Mê Kông đang bị đe dọa.
- C. Nước biển đang đe dọa đồng bằng sông Mê Kông.
- D. Sự biến đổi nhanh của khí hậu vùng sông Mê Kông.

Phần 2

Bài 4) Đọc bài dưới đây và trả lời từ câu hỏi 25 đến câu hỏi 32

(1) Ngày 15/9 một hội thảo về thực phẩm biến đổi gen đã được tổ chức tại Hà Nội. Cục trưởng Cục vệ sinh an toàn thực phẩm, Ông Trần Đáng cho biết, ở nước ta, việc chuyển gen cây trồng đã thành công trong phòng thí nghiệm nhưng chưa đưa ra sản xuất rộng rãi. Các cây trồng và sản phẩm biến đổi gen đã được nhập khẩu chính thức hoặc không chính thức. Theo ông, bên cạnh những lợi ích, thì thực phẩm có nguồn gốc chuyển gen ẩn chứa nhiều nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. Ở Việt Nam hiện nay, đã có ba giống cây biến đổi gen là lúa, ngô và bông.

(2) Tiến sĩ Lê Đình Lương, lại khẳng định, nhiều tổ chức khoa học quốc tế cho rằng sử dụng thực phẩm có nguồn gốc chuyển gen là an toàn. Ông cho biết, hiện nay, hàng chục phòng thí nghiệm trong nước đã có thể dễ dàng phát hiện thành phần biến đổi gen trong thực phẩm. Thế nhưng, việc đánh giá mức độ an toàn của từng sản phẩm thì còn ***nằm ngoài khả năng của chúng ta***, kể cả những nước phát triển nhất trong công nghệ này là Mỹ.

(3) Ông Lương cho rằng: “Điều quan trọng không phải là ghi trên nhãn sản phẩm: ***“Đây là sản phẩm có sử dụng công nghệ biến đổi gen”*** để bắt người dân phải tự lựa

chọn. Họ không hiểu nhiều về biến đổi gen. Các nhà khoa học cần kiểm nghiệm độ an toàn của sản phẩm trước khi đưa đến người dùng".

(4) Viện trưởng Viện Công nghệ sinh học, ông Lê Trần Bình nói: "Việc phát triển thực phẩm biến đổi gen cũng giống như việc đi máy bay, biết rõ là sẽ có rủi ro máy bay có thể gặp tai nạn, nhưng chúng ta không thể không đi. Ta phải chuẩn bị tốt nhất để đảm bảo cho chuyến bay an toàn". Theo ông, trước mắt, nước ta nên áp dụng công nghệ biến đổi gen trên các loại cây không phải để lấy thực phẩm (cây lâm nghiệp, hoa, cây công nghiệp,...). Ý kiến này được đa số các nhà khoa học đồng tình.

(5) Ông Trần Đáng cho rằng: Trong khi tính an toàn của sản phẩm biến đổi gen còn chưa rõ ràng, Chính phủ cần có quy định quản lý chặt chẽ an toàn vệ sinh thực phẩm riêng cho thực phẩm chuyển gen và xây dựng phòng xét nghiệm phân tích nguy cơ của loại thực phẩm này.

Câu 25. Đoạn (1) cho biết, ở Việt Nam hiện nay, việc sản xuất cây trồng chuyển gen như thế nào?

- A. Đã đưa ra sản xuất rộng rãi.
- B. Sắp đưa ra sản xuất rộng rãi.
- C. Không đưa ra sản xuất rộng rãi.
- D. Chưa đưa ra sản xuất rộng rãi.

Câu 26. Theo đoạn (1), ở Việt Nam hiện nay:

- A. Sẽ có giống lúa, ngô và bông biến đổi gen.
- B. Sắp có giống lúa, ngô và bông biến đổi gen.
- C. Không có giống lúa, ngô và bông biến đổi gen.
- D. Đã có giống lúa, ngô và bông biến đổi gen.

Câu 27. Theo ông Lê Đình Lương, Việt Nam đã có thể *phát hiện thành phần biến đổi gen trong thực phẩm* được chưa?

- A. Chưa thể phát hiện được.
- B. Không thể phát hiện được.
- C. Sắp có thể phát hiện được.
- D. Đã có thể phát hiện được.

Câu 28. Cụm từ “*còn nằm ngoài khả năng của chúng ta*” trong đoạn (2) có thể được hiểu là:

- A. Chúng ta không đánh giá độ an toàn của từng sản phẩm.
- B. Chúng ta đánh giá được độ an toàn của từng sản phẩm.
- C. Chúng ta sẽ không đánh giá độ an toàn của từng sản phẩm.
- D. Chúng ta chưa đánh giá được độ an toàn của từng sản phẩm.

Câu 29. Theo ông Lương (trong đoạn 3), các nhà khoa học cần làm gì trước khi đưa sản phẩm có sử dụng công nghệ biến đổi gen đến người tiêu dùng?

- A. Cần kiểm nghiệm tác hại của nó.
- B. Cần kiểm nghiệm nguồn gốc của nó.
- C. Cần kiểm nghiệm tác dụng của nó.
- D. Cần kiểm nghiệm độ an toàn của nó.

Câu 30. Khi nói: "Việc phát triển thực phẩm biến đổi gen ... để đảm bảo cho chuyên bay an toàn" (đoạn 4), thì ý kiến của ông Lê Trần Bình là:

- A. Phản đối việc sử dụng thực phẩm biến đổi gen.
- B. Không ủng hộ việc sử dụng thực phẩm biến đổi gen.
- C. Không tỏ thái độ đối với thực phẩm biến đổi gen.
- D. Ủng hộ việc sử dụng thực phẩm biến đổi gen.

Câu 31. Ý kiến của ông Bình nên áp dụng công nghệ biến đổi gen trên các loại cây lâm nghiệp, hoa, cây công nghiệp... được đa số các nhà khoa học đồng tình là vì:

- A. Đây là những loại cây được sử dụng nhiều.
- B. Đây là những loại cây không nguy hiểm.
- C. Đây là những loại cây cần năng suất cao.
- D. Đây không phải là cây để lấy thực phẩm.

Câu 32. Theo ông Trần Đáng, trong đoạn (5), hiện nay tính an toàn của sản phẩm biến đổi gen là:

- A. Không xác định được.
- B. Đã xác định được.
- C. Còn chưa rõ ràng.
- D. Đã có thể rõ ràng.

Phần 2

Bài 5) Đọc bài dưới đây và trả lời từ câu hỏi 33 đến câu hỏi 40

(1) Khi tốc độ tăng GDP mất dần vị trí “độc tôn” trong việc đánh giá sự phát triển, người ta chú ý đến các vấn đề của con người và đời sống con người. Xu hướng chung của sự phát triển hiện nay là làm tăng sự phong phú của đời sống con người chứ không chỉ đơn giản là sự phong phú của kinh tế. Con người mới chính là mục đích tối thượng của sự phát triển.

(2) Tăng trưởng kinh tế, từ chỗ là mục đích của sự phát triển, giờ đây, chỉ còn là phương tiện để con người phát triển chính mình. Cách tiếp cận này chú ý đến việc cải thiện đời sống cộng đồng hơn là chú ý đến sự tăng trưởng kinh tế. Tăng GDP không tự động dẫn tới sự phát triển cho tất cả mọi người, mà rất có thể chỉ một số nhóm người nào đó được hưởng lợi.

(3) Trong một cuộc trả lời phỏng vấn năm 2013, Amartya Sen nói rằng: “Tăng trưởng kinh tế vô cùng quan trọng. Nó giúp con người có cuộc sống tốt hơn. Nhưng coi sự tăng trưởng là cái để tôn thờ và ngưỡng mộ, thì ít nhiều, là có vấn đề”. Ông cho rằng, để đánh giá một quốc gia đang như thế nào, không thể chỉ nói về thu nhập bình quân đầu người, không thể *làm ngo* trước những chỉ số khác nữa như: tuổi thọ trung bình, tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng, tỷ lệ trẻ em được đến trường,...

(4) Theo Amartya Sen, trọng tâm của việc xây dựng chính sách quốc gia phải là phát triển và bảo vệ năng lực con người. Với triết lý coi con người là trung tâm, thì con người vừa là mục tiêu của sự phát triển, vừa là nguồn lực vô tận để phát triển. Con người đóng vai trò quyết định cả ở đầu vào, đầu ra, lẫn trong toàn bộ quá trình phát triển. Ở đầu vào, nhân tố quyết định sự phát triển là vốn con người, tiềm năng con người. Ở đầu ra, mục tiêu của phát triển là chất lượng cuộc sống con người, hạnh phúc con người.

(5) Khi con người được đặt vào vị trí trung tâm của sự phát triển thì phát triển của các lĩnh vực khác phải nhằm tạo ra những tiền đề cho sự phát triển con người. Phát triển xã hội, xét đến cùng, là phát triển con người. Trình độ phát triển con người là thước đo tiến bộ xã hội. Mục tiêu tối thượng của sự phát triển là con người chứ không phải chỉ là gia tăng GDP hay của cải vật chất.

Câu 33. Theo đoạn (1), trong việc đánh giá sự phát triển, người ta chú ý đến vấn đề con người và đời sống con người từ khi nào?

A. Khi tốc độ tăng GDP đã mất hết vị trí độc tôn.

- B. Khi tốc độ tăng GDP vẫn giữ vị trí độc tôn.
- C. Khi tốc độ tăng GDP mất dần vị trí độc tôn.
- D. Khi tốc độ tăng GDP đang giữ vị trí độc tôn.

Câu 34. Theo nội dung đoạn (2), hiện nay, tăng trưởng kinh tế được coi là:

- A. Phương tiện để con người phát triển.
- B. Yêu cầu để của con người phát triển.
- C. Mục đích để con người phát triển.
- D. Điều kiện để con người phát triển.

Câu 35. Trong đoạn (3), khi nói “...*Nhưng coi sự tăng trưởng là cái để tôn thờ và ngưỡng mộ, thì ít nhiều, là có vấn đề...*”, quan điểm của Amartya Sen là:

- A. Tôn thờ, ngưỡng mộ tăng trưởng kinh tế.
- B. Coi tăng trưởng kinh tế là không quan trọng.
- C. Coi tăng trưởng kinh tế là có vị trí độc tôn.
- D. Không tôn thờ và ngưỡng mộ tăng trưởng kinh tế.

Câu 36. Từ “*làm ngơ*” trong đoạn (3) có thể được hiểu là:

- A. Chưa biết.
- B. Không hiểu.
- C. Không biết.
- D. Bỏ qua.

Câu 37. Trong đoạn (4), Amartya Sen coi điều gì dưới đây là trọng tâm của việc xây dựng chính sách quốc gia?

- A. Sự phát triển và tăng trưởng kinh tế xã hội.
- B. Sự phát triển văn hóa và giáo dục con người.
- C. Sự phát triển kinh tế và văn hóa của con người.
- D. Sự phát triển và bảo vệ năng lực con người.

Câu 38. Quan niệm “con người vừa là mục tiêu của sự phát triển, vừa là nguồn lực để phát triển” trong đoạn (4) xuất phát từ triết lý nào dưới đây?

- A. Triết lý coi đời sống là trung tâm.
- B. Triết lý coi tăng GDP là trung tâm.
- C. Triết lý coi hạnh phúc là trung tâm.
- D. Triết lý coi con người là trung tâm.

Câu 39. Quan điểm chính của bài này cho rằng mục đích cao nhất của sự phát triển là:

- A. Phát triển, tăng GDP.
- B. Phát triển văn hóa.
- C. Phát triển kinh tế.
- D. Phát triển con người.

Câu 40. Điều gì dưới đây KHÔNG phù hợp với quan điểm chung trong bài?

- A. Mục tiêu cao nhất của sự phát triển chính là con người.
- B. Phát triển xã hội, xét đến cùng, là phát triển con người.
- C. Trình độ phát triển con người là thước đo tiên bộ xã hội.
- D. Mục tiêu cao nhất của sự phát triển phải là tăng GDP.

HẾT BÀI THI ĐỌC

BÀI THI NÓI

Thời gian: 15 phút

Phần 1

Giám khảo : Bạn đã đến Thành phố Hồ Chí Minh chưa?

Thí sinh : ...

Giám khảo : Bạn đã ở đó bao lâu?

Thí sinh : ...

Giám khảo : (Giám khảo đưa tờ bản đồ cho thí sinh xem)

Hãy hình dung chúng ta là bạn của nhau. Bản đồ này là bản đồ của Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố mà bạn đã khuyên tôi nên đến thăm. Bạn có 60 giây để xem. Sau đó, tôi sẽ hỏi bạn một số câu hỏi về thành phố này...

1. Hãy chọn một nơi trong bản đồ mà bạn nghĩ là tôi nên tới thăm và hãy nói với tôi một số lý do tại sao mà bạn thích thành phố này?

2. Tôi rất thích xem phim, hãy chỉ cách nào là cách đi tốt nhất cho tôi từ bến xe buýt đến rạp chiếu phim nào đó.

3. Một trong những bộ phim bạn ưa thích đang được chiếu ở rạp chiếu phim này. Hãy nói cho tôi biết về nội dung bộ phim này và tại sao bạn lại thích nó.

Phần 2

Béo phì, thừa cân luôn làm bạn mệt mỏi, khó chịu vì thế bạn cần:

- 1. Luyện tập thể dục.*
- 2. Chế độ ăn uống phù hợp để giảm cân nhanh.*

Bạn sẽ lựa chọn giải pháp nào? Vì sao bạn lựa chọn giải pháp đó?

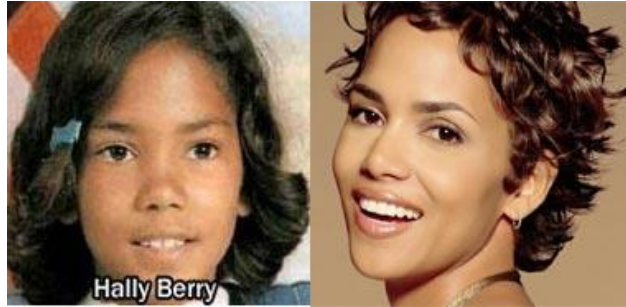
Phần 3

Chúng ta đã nói chuyện về phim ảnh. Bây giờ, bạn có 60 giây để xem các bức ảnh dưới đây. Các bức ảnh này phản ánh thời thơ ấu của các “sao” nổi tiếng và hình ảnh hiện tại của họ. Trước khi nổi tiếng, các ngôi sao nữ có bề ngoài như thế nào? Hãy miêu tả hình dáng thời thơ ấu của họ và so sánh với hiện tại.

Thời thơ ấu của các nữ minh tinh



Ca sĩ Avril Lavigne



Diễn viên Halle Berry



Diễn viên Nicole Kidman.)

HẾT BÀI THI NÓI

BÀI THI VIẾT

Thời gian: 60 phút

Gồm: 3 phần

Phần 1

Thời gian làm bài 10 phút

Thí sinh nghe: Hãy nghe và điền từ vào chỗ trống. Phía dưới câu chuyện này là danh sách các từ để bạn lựa chọn.

Anh Chính là công nhân. Đây là ngôi nhà của anh ấy. Ngôi nhà này đẹp, sáng sủa nhưng không lớn. Anh Chính đang ở trong nhà. Anh ấy đang đọc sách. Hôm nay là chủ nhật. Chính không đến nhà máy. Trong nhà còn có một phụ nữ. Đây là vợ của anh Chính. Chị ấy tên là Hạnh. Chị Hạnh vẫn còn trẻ. Chị ấy cũng là công nhân. Anh Chính và vợ đều là công nhân. Chị ấy đang viết thư cho các bạn. Vợ chồng anh Chính còn trẻ. Họ có một con trai. Gia đình này sống rất hạnh phúc.

Thí sinh đọc, chọn và điền từ

Anh Chính là công nhân. là ngôi nhà của anh ấy. Ngôi.....này đẹp, sáng sủa nhưng..... lớn. Anh Chính đang.....trong nhà. Anh ấy..... đọc sách. Hôm nay.....chủ nhật. Chính không.....nhà máy. Trong nhà..... có một phụ nữ..... là vợ của anh Chính..... tên là Hạnh. Chị Hạnh..... còn trẻ. Chị ấy.....là công nhân. Chính và vợ đều.....công nhân. Chị ấy.....viết thư cho các bạn. Chính còn trẻ. Họ.....một con trai. Gia đình.....sống rất hạnh phúc.

Các từ được chọn

Đây	Đây	Chị ấy	Anh	Vợ chồng	còn	nhà	đang
cũng	có	Này	không	ở	là	đến	vẫn
là	đang						

Phần 2

Thời gian làm bài 20 phút

Dưới đây là trích đoạn lá thư của một người mẹ gửi cho con gái:

“Vì con là con gái, con yêu, nên mẹ lo lắng rất nhiều. Mẹ cũng như con, là một người phụ nữ, mẹ rất yêu bố con. Nhưng mẹ muốn khuyên con một điều, chân thành, bằng tất cả tình thương mẹ dành chọn, con gái bé bỏng. Đó là, phụ nữ đừng nên đi theo tình yêu mà từ bỏ tình thân.”

Anh/chị hãy viết lá thư cho người mẹ trẻ đó để bày tỏ sự đồng tình hoặc phản đối của mình.

Phần 3

Thời gian làm bài 30 phút

Hãy viết về vai trò và những ảnh hưởng của Internet với cuộc sống của chúng ta ngày nay.

HẾT BÀI THI VIẾT